

Một số ý kiến pháp lý về thuế bảo vệ môi trường

NGUYỄN THỊ MAI DUNG

Học viện Ngân hàng

Luật thuế Bảo vệ môi trường đã được Quốc hội thông qua ngày 15/11/2010 và chính thức có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2012. Đây là lần đầu tiên trong hệ thống pháp luật thuế, Nhà nước ta ban hành một văn bản luật thuế điều chỉnh trực tiếp khoản thuế thu vào sản phẩm khi sử dụng gây ô nhiễm môi trường. Việc ban hành và áp dụng Luật thuế Bảo vệ môi trường đã và đang góp phần tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước để giải quyết các vấn đề môi trường, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, nâng cao ý thức của người dân về việc bảo vệ môi trường.

Mặc dù được áp dụng chưa lâu, song bên cạnh những kết quả đạt được, Luật thuế Bảo vệ môi trường cũng đã bộc lộ một số điểm còn hạn chế, đòi hỏi cơ quan nhà nước có thẩm quyền sớm có sự sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Trong bài viết này, tác giả xin đề cập tới một số vấn đề pháp lý liên quan tới đối tượng chịu thuế và mức thuế bảo vệ môi trường sau đây:

1. VỀ ĐỐI TƯỢNG CHỊU THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Thuế Bảo vệ môi trường được xác định là loại thuế gián thu, thu vào sản phẩm hàng hóa khi sử dụng gây tác động xấu đến môi trường. Điều 3 Luật thuế Bảo vệ môi trường quy định 8 nhóm sản phẩm hàng hóa hiện nay đang chịu sự điều chỉnh của Luật thuế Bảo vệ môi trường. Đó là xăng, dầu, mỡ nhờn; than đá; dung dịch hydro-chloro-fluoro-carbon (HCFC); túi ni lông thuộc diện chịu thuế; thuốc diệt cỏ thuộc loại hạn chế sử dụng; thuốc trừ mối thuộc loại hạn chế sử dụng; thuốc bảo quản lâm sản thuộc loại hạn chế sử dụng; thuốc khử trùng kho thuộc loại hạn chế sử dụng. Có thể thấy, đây đều là những sản phẩm mà khi sử dụng sẽ gây tác động xấu đến môi trường, và việc quy định chúng nằm trong đối tượng chịu thuế là phù hợp với thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, trên thực tế, có nhiều sản phẩm, hàng hóa mà việc sử dụng có khả năng gây ô nhiễm môi trường, nhưng lại chưa được đưa vào diện điều chỉnh của Luật thuế Bảo vệ môi trường, ví dụ như các chất tẩy rửa trong công nghiệp, thuốc lá, chất thải phóng xạ v.v... Không nhiều hàng hóa được đưa vào danh mục chịu thuế Bảo vệ môi trường là một trong những lý do khiến cho thuế Bảo vệ môi trường, mặc dù là thuế gián thu nhưng lại ít được đông đảo người tiêu dùng quan tâm, cũng như số thu thuế Bảo vệ môi trường còn khá khiêm tốn. Nên chăng, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần có lộ trình mở rộng từng bước diện đối tượng chịu thuế.

Không chỉ hạn chế ở phạm vi đối tượng chịu thuế, ngay trong quy định hiện hành của Luật thuế Bảo vệ môi trường về một số hàng hóa thuộc diện chịu thuế cũng đang có những tranh luận. Đơn cử là quy định về đối tượng chịu thuế là túi ni lông. Khoản 3 Điều 2 Nghị định số 67/2011/NĐ-CP ngày 8/8/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế Bảo vệ môi trường có đề cập “Đối với túi ni lông thuộc diện chịu thuế (túi nhựa) quy định tại Khoản 4 Điều 3 của Luật thuế Bảo vệ môi trường là loại túi, bao bì nhựa mỏng làm từ màng nhựa đơn HDPE (high density polyethylene resin), LDPE (Low density polyethylen) hoặc LLDPE (Linear low density polyethylen resin), trừ bao bì đóng gói sẵn hàng hóa và túi ni lông đáp ứng tiêu chí thân thiện với môi trường theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường”.

Như vậy, túi ni lông nếu đáp ứng tiêu chí thân thiện với môi trường theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì không phải chịu thuế Bảo vệ môi trường. Vấn đề đặt ra ở đây là, mặc dù Luật đã được áp dụng nhưng vẫn chưa có tiêu chí, quy định cụ thể nào để xác định là túi ni lông đáp ứng tiêu chí gì thì được coi là thân thiện với môi trường. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số 2232/QĐ-BNMT ngày 13/12/2010 về việc phê duyệt tiêu chí Nhãn xanh Việt Nam cho nhóm sản phẩm, trong đó có bao bì nhựa tự phân hủy sinh học⁽¹⁾. Nhưng việc kiểm định đòi hỏi cần được thực hiện tại các cơ sở được trang bị máy móc thiết bị kiểm định hiện đại, điều mà các trung tâm kiểm định ở Việt Nam hầu như chưa đáp ứng được; bên cạnh đó, chi phí để sản xuất các sản phẩm theo tiêu chí của “Nhãn xanh Việt Nam” rất lớn, khó phù hợp với khả năng chi trả của đại đa số người dân Việt Nam, cũng như khả năng đầu tư, trình độ sản xuất của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước. Mặt khác, cũng có thể hiểu, ngoài sản phẩm bao bì nhựa tự phân hủy sinh học trên, các sản phẩm túi ni lông và bao bì khác, do chưa có hướng dẫn cụ thể, đều đang thuộc diện chịu thuế Bảo vệ môi trường. Điều này là bất hợp lý và có thể dẫn tới sự bóp méo ngành sản xuất bao bì, túi ni lông, theo định hướng dùng những loại nhựa không chịu thuế Bảo vệ môi trường, chứ không thực sự khích lệ việc nghiên cứu sản xuất những sản phẩm bao bì thân thiện với môi trường. Do vậy, rất cần thiết ban hành văn bản quy định cụ thể thể nào là túi ni lông thân thiện môi trường tại Việt Nam với các tiêu chí rõ ràng để khuyến khích doanh nghiệp và người tiêu dùng sản xuất và sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường và thu thuế Bảo vệ môi trường đúng đối tượng.

2. VỀ MỨC THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Luật thuế Bảo vệ môi trường hiện hành xác định tính thuế Bảo vệ môi trường theo mức thuế tuyệt đối để đơn

giản, minh bạch trong thực hiện, ổn định số thu cho ngân sách. Điều này là hợp lý, phù hợp với thông lệ quốc tế, hơn nữa, trong bối cảnh thuế Bảo vệ môi trường là một loại thuế mới, lại là thuế gián thu nên quy định mức thuế càng đơn giản sẽ càng dễ áp dụng. Tuy nhiên, khoảng cách giữa mức tối thiểu và mức tối đa áp dụng cho một loại hàng hóa là tương đối lớn⁽²⁾, dẫn tới khả năng việc áp dụng sẽ không thống nhất đối với các doanh nghiệp cùng sản xuất một mặt hàng nhưng tại các địa phương khác nhau. Ví dụ, trường hợp mặt hàng túi ni lông đã phân tích ở phần trên. Thông tư số 152/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 hướng dẫn thi hành Nghị định số 67/2011/NĐ-CP ngày 08/8/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế Bảo vệ môi trường xác định, túi ni lông thuộc diện chịu thuế (túi nhựa) là loại túi, bao bì nhựa mỏng làm từ màng nhựa đơn HDPE, LDPE hoặc LLDPE nhưng không xác định rõ áp dụng với loại túi đơn lớp hay đơn nguyên liệu (PE). Thực tế có những loại túi làm từ nhiều nguyên liệu nhưng cũng chỉ một lớp. Khi đánh thuế, cơ quan thực thi cứ thấy túi có chữ "PE" là đánh thuế, bất kể đó là túi một lớp hay nhiều lớp. Điều này làm cho giá bán hàng tăng, dễ mất năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam với doanh nghiệp nhựa nước ngoài. Thêm vào đó, tại khoản 1 điều 8 Luật thuế Bảo vệ môi trường, mức thuế được tính là 30.000đ/kg đến 50.000đ/kg, và cán bộ thuế, vốn không có trình độ kỹ thuật chuyên môn ngành nhựa, khó có thể phân biệt loại nào đánh thuế với mức 30.000đ/kg, loại nào đánh thuế với mức 50.000đ/kg, dễ dẫn tới khả năng áp

dụng tùy tiện hay một số tiêu cực trong việc tính thuế. Tình trạng tương tự cũng có thể xảy ra đối với các mặt hàng khác áp dụng biểu khung thuế hiện hành.

Đối với mặt hàng xăng, thuế suất thuế Bảo vệ môi trường được áp dụng chung cho tất cả các loại xăng, chỉ trừ ethanol là chưa hợp lý. Trên thế giới các nước thường phân loại xăng dựa vào mức độ ô nhiễm khác nhau. Ví dụ: Đức căn cứ vào hàm lượng lưu huỳnh có trong xăng để định thuế suất: Đối với xăng có hàm lượng lưu huỳnh trên 10mg/kg mức thuế suất là 669,80 Euro/lit; xăng có hàm lượng lưu huỳnh dưới 10 mg/kg mức thuế suất là 654,90 Euro/lit. Hay Singapore căn cứ vào chỉ số octan có trong xăng để quy định thuế suất: xăng octan 92/95 mức thuế suất là 0,4 đôla Sing/lit; xăng octan 97 và trên 97 mức thuế suất là 0,44 đôla Sing/lit.

Tóm lại, thuế Bảo vệ môi trường còn là một khái niệm khá mới mẻ với nhiều người dân. Bảo vệ môi trường được coi là một trong những vấn đề sống còn của nhân loại. Cùng với các biện pháp kinh tế, pháp lý khác, việc ban hành và áp dụng Luật thuế bảo vệ môi trường là một yêu cầu tất yếu. Vấn đề là song song với quá trình áp dụng, cần phải hoàn thiện các quy định của Luật nhằm góp phần làm thay đổi hành vi của tổ chức, cá nhân; nâng cao ý thức bảo vệ môi trường; khuyến khích sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; giảm thiểu ô nhiễm, suy thoái về môi trường và tạo thêm nguồn thu cho hoạt động khôi phục môi trường, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. ❖

(1) Bao bì nhựa tự phân hủy sinh học là loại túi sản xuất từ vật liệu nhựa có khả năng bị phân hủy sinh học hiếu khí hoặc yếm khí thành CO₂ và H₂O. Quá trình phân hủy sinh học loại túi nhựa này được thực hiện nhờ hàng trăm các vi sinh vật trong thời gian ngắn từ 3 năm trở xuống thay vì hàng trăm năm như các loại bao bì nhựa thông thường
(2) Xem điều 8 Luật thuế bảo vệ môi trường

Tiềm năng phát triển công nghiệp các bon...

(Tiếp theo trang 21)

đào với lợi thế đường biển dài, nhiều gió, nhiều giờ mặt trời chiếu sáng và ngành năng lượng sinh khối đầy hứa hẹn.... Tuy nhiên, việc phát triển năng lượng hạt nhân hiện nay trên thế giới vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau do sự rủi ro của nó và tác động khó lường nếu để thảm họa xảy ra nên Việt Nam cần phải tính toán thận trọng. Năng lượng mặt trời hiện nay còn khá đắt nhưng tiềm năng là rất lớn với các ứng dụng như pin mặt trời, bình nước nóng... Phát triển công nghệ sinh khối biến những rác thải công nghiệp, nông nghiệp và đô thị trở thành nguồn năng lượng bổ sung là một hướng đi cần thiết trong bối cảnh hiện nay, cụ thể ngành chăn nuôi với chương trình biogas đã làm rất tốt nhiệm vụ này. Năng lượng địa nhiệt mới được sử dụng chủ yếu làm nguồn nước nóng phục vụ du lịch và gia đình, nhưng chưa được sử dụng ở quy mô công nghiệp. Dù có bờ biển dài nhưng năng lượng thủy triều ở Việt Nam vẫn chưa được tận dụng.

Theo chúng tôi, một số nghiên cứu sau cần phải làm sâu hơn, là tiền đề phát triển ngành công nghiệp các bon thấp tại Việt Nam: Cần thiết phải có chương trình nghiên cứu tổng thể về phát triển công nghiệp cacbon thấp, làm cơ sở

để xác lập kế hoạch hành động và điều chỉnh chính sách; Xác lập các mục tiêu ưu tiên phù hợp và khả thi trong điều kiện Việt Nam, nhằm sử dụng có hiệu quả nguồn đầu tư có hạn; Cần phải có nhiều sáng kiến chính sách đột phá để tháo gỡ khó khăn và tạo dựng thị trường cho phát triển, đặc biệt thị trường CDM; Chú trọng phát triển hạ tầng hỗ trợ phát triển, trong đó đặc biệt là phát triển khoa học công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực, chú trọng nhấn mạnh đến công nghệ tiêu thụ ít năng lượng, công nghệ sạch và chuyển giao công nghệ tiên tiến; Kết nối các chính sách nhằm tạo ra khuôn khổ các chính sách phát triển công nghiệp các bon thấp, và cần cụ thể hơn bằng luật. ❖

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Viện Năng lượng, (2005). Chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển năng lượng mới và tái tạo ở Việt Nam đến 2015, tầm nhìn đến 2025.
2. Viện Nghiên cứu chiến lược chính sách công nghiệp, (2011). Điều tra đánh giá tiềm năng phát triển công nghiệp các bon thấp ở Việt Nam.
3. Viện Nghiên cứu chiến lược chính sách công nghiệp, (2010). Điều tra đánh giá tiềm năng sản xuất nhiên liệu sinh học từ nguồn sinh khối.
4. Tập đoàn Điện lực Việt Nam, (2010). Quy hoạch Tổng sơ đồ điện VII